

UBND THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI  
SỞ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 67/QĐ-SCT

Đồng Nai, ngày 23 tháng 6 năm 2026

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu thực hiện Đề án quản lý và xử lý nghiệp vụ đối với khối hồ sơ, tài liệu đã được thống kê trước khi sắp xếp tổ chức bộ máy của Sở Công Thương Đồng Nai

### GIÁM ĐỐC SỞ CÔNG THƯƠNG THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023; Căn cứ Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 của Quốc hội về Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu;

Căn cứ Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/06/2025 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, luật hải quan, luật thuế giá trị gia tăng, luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, luật đầu tư, luật đầu tư công, luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; Thông tư số 79/TT-BTC ngày 04/8/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia; Thông tư số 80/2025/TT-BTC ngày 08/8/2025 của Bộ Tài chính về việc quy định chi tiết mẫu hồ sơ yêu cầu, báo cáo đánh giá, báo cáo thẩm định, kiểm tra, báo cáo tình hình thực hiện hoạt động đấu thầu;

Căn cứ Luật Lưu trữ ngày 21/6/2024;

Căn cứ Nghị định số 113/2025/NĐ-CP ngày 03/6/2025 quy định chi tiết một số điều của Luật Lưu trữ;

Căn cứ Thông tư số 06/2025/TT-BNV ngày 15/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết một số điều của Luật lưu trữ;

Căn cứ Thông tư số 16/2023/TT-BNV ngày 15/11/2023 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định định mức kinh tế kỹ thuật chỉnh lý tài liệu nền giấy;

Căn cứ Nghị định số 104/2026/NĐ-CP ngày 31/3/2026 của Chính phủ quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán chi thường xuyên để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 40 Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND ngày 15/10/2024 của HĐND tỉnh

ban hành quy định thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng tài sản công; thẩm quyền quyết định việc mua sắm tài sản công và hàng hoá, dịch vụ đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 06/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Công Thương tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 2996/QĐ-UBND ngày 05/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt Đề án quản lý và xử lý nghiệp vụ đối với khối hồ sơ, tài liệu đã được thống kê của cơ quan, tổ chức trước khi sắp xếp tổ chức bộ máy;

Căn cứ Kế hoạch số 60/KH-UBND ngày 02/02/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc triển khai thực hiện Đề án quản lý và xử lý nghiệp vụ đối với khối hồ sơ, tài liệu đã được thống kê của cơ quan, tổ chức trước khi sắp xếp tổ chức bộ máy;

Căn cứ Kế hoạch số 1805/KH-SCT ngày 13/3/2026 của Sở Công Thương tỉnh Đồng Nai về việc thực hiện Đề án quản lý và xử lý nghiệp vụ đối với khối hồ sơ, tài liệu đã được thống kê trước khi sắp xếp tổ chức bộ máy của Sở Công Thương Đồng Nai;

Căn cứ Công văn số 5227/UBND-KTNS ngày 03/4/2026 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc kinh phí chỉnh lý tài liệu của Sở Công Thương năm 2026;

Căn cứ Công văn số 2042/UBND-KTNS ngày 02/6/2026 của UBND thành phố Đồng Nai về việc bổ sung kinh phí cho các đơn vị xử lý nghiệp vụ đối với khối hồ sơ, tài liệu đã được thống kê của cơ quan trước khi sắp xếp tổ chức bộ máy;

Căn cứ Công văn số 5044/STC-HCSN ngày 29/4/2026 của Sở Tài chính tỉnh Đồng Nai về việc ý kiến về nguồn kinh phí chỉnh lý tài liệu của Sở Công Thương năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 48/QĐ-STC ngày 05/6/2026 của Sở Tài chính thành phố Đồng Nai về việc phân bổ ngân sách thành phố kinh phí thực hiện xử lý nghiệp vụ đối với khối hồ sơ, tài liệu đã được thống kê của cơ quan trước khi sắp xếp tổ chức bộ máy;

Căn cứ Quyết định số 46/QĐ-SCT ngày 10/6/2026 của Sở Công Thương Đồng Nai về việc phân bổ ngân sách kinh phí thực hiện xử lý nghiệp vụ đối với khối hồ sơ, tài liệu đã được thống kê của cơ quan trước khi sắp xếp tổ chức bộ máy cho Cơ quan Sở Công Thương;

Căn cứ Quyết định số 202/QĐ-SCT ngày 26/11/2025 của Sở Công Thương về việc thành lập Hội đồng và quy chế hoạt động của Hội đồng thẩm định và quy trình lựa chọn đơn vị tư vấn thầu; đánh giá kết quả lựa chọn nhà thầu các gói thầu của Sở Công Thương và các đơn vị trực thuộc Sở;

Căn cứ Quyết định số 50/QĐ-SCT ngày 19/3/2026 của Sở Công Thương về việc ban hành Quy chế quản lý tài chính của ngành Công Thương;

Căn cứ Chứng thư Thẩm định giá số 128/2026/485/CT-TTA.TĐG ngày 05/6/2026 của Công ty Cổ phần Thẩm định giá Trung Tín;

Căn cứ Quyết định số 60/QĐ-SCT ngày 17/6/2026 của Sở Công Thương thành phố Đồng Nai về việc phê duyệt dự toán thực hiện Đề án quản lý và xử lý nghiệp vụ

đối với khối hồ sơ, tài liệu đã được thống kê trước khi sắp xếp tổ chức bộ máy của Sở Công Thương Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 66/QĐ-SCT ngày 21/6/2026 của Sở Công Thương thành phố Đồng Nai về việc phê duyệt danh mục kinh phí thực hiện Đề án quản lý và xử lý nghiệp vụ đối với khối hồ sơ, tài liệu đã được thống kê trước khi sắp xếp tổ chức bộ máy của Sở Công Thương Đồng Nai;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Sở và Trưởng phòng Kế hoạch – Tài chính – Tổng hợp Sở Công Thương.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu thực hiện Đề án quản lý và xử lý nghiệp vụ đối với khối hồ sơ, tài liệu đã được thống kê trước khi sắp xếp tổ chức bộ máy của Sở Công Thương Đồng Nai, cụ thể:

**1. Tên gói thầu:** thực hiện Đề án quản lý và xử lý nghiệp vụ đối với khối hồ sơ, tài liệu đã được thống kê trước khi sắp xếp tổ chức bộ máy của Sở Công Thương Đồng Nai

**2. Tổng giá trị: 2.210.652.391 đồng** (Bằng chữ: Hai tỷ, hai trăm mười triệu, sáu trăm năm mươi hai nghìn, ba trăm chín mươi một đồng) – đã bao gồm thuế VAT.

Giá dùng làm căn cứ đánh giá hồ sơ dự thầu cung cấp các gói thầu trên căn cứ giá của đơn vị thẩm định giá nhưng không được lớn hơn giá gói thầu trong quyết định này.

Các chi phí hợp lý phát sinh trong quá trình thực hiện, căn cứ các quy định hiện hành, thực hiện quyết toán theo thực tế và đảm bảo chế độ hoá đơn chứng từ đầy đủ.

#### Cụ thể như sau:

- Gói thầu số 1: Chinh lý tài liệu lưu trữ thực hiện Đề án quản lý và xử lý nghiệp vụ đối với khối hồ sơ, tài liệu đã được thống kê trước khi sắp xếp tổ chức bộ máy của Sở Công Thương Đồng Nai với số tiền **2.167.306.266 đồng** (Bằng chữ: Hai tỷ, một trăm sáu mươi bảy triệu, ba trăm lẻ sáu nghìn hai trăm sáu mươi sáu đồng).

- Gói thầu số 2: Lập hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu với số tiền **16.502.000 đồng** (Bằng chữ: Mười sáu triệu, năm trăm lẻ hai nghìn đồng).

- Gói thầu số 3: Thẩm định hồ sơ mời thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu với số tiền **7.338.125 đồng** (Bằng chữ: Bảy triệu, ba trăm ba mươi tám nghìn một trăm hai mươi lăm đồng).

- Chi phí khác (tự thực hiện): chi phí thẩm định giá với số tiền **19.506.000 đồng**

**3. Nguồn vốn:** Nguồn kinh phí tại Quyết định số 48/QĐ-STC ngày 05/6/2026 của Sở Tài chính thành phố Đồng Nai và Quyết định số 46/QĐ-SCT ngày 10/6/2026

*của Sở Công Thương Đồng Nai*

#### **4. Hình thức lựa chọn nhà thầu**

- Gói thầu số 1: Đấu thầu rộng rãi qua mạng, lựa chọn nhà thầu trong nước.
- Gói thầu: số 2, số 3: Chỉ định thầu rút gọn.

#### **5. Phương thức đấu thầu**

Gói số 1: Một giai đoạn, một túi hồ sơ.

Gói số 2, gói số 3: Không áp dụng.

#### **6. Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu**

- Gói thầu số 1: 45 ngày
- Gói thầu số 2, số 3: 15 ngày

#### **7. Thời gian thực hiện**

- Gói thầu số 1: 60 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.
- Gói thầu số 2, số 3: 30 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.

#### **8. Loại hợp đồng:** Hợp đồng trọn gói áp dụng cho tất cả các gói thầu.

**Điều 2.** Giao Văn phòng Sở chịu trách nhiệm tham mưu tổ chức lựa chọn nhà thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Sở, Trưởng phòng Kế hoạch – Tài chính – Tổng hợp, Trưởng các phòng, các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Ban GD Sở;
- P.KHTCTH
- Lưu VT, VP.

*Ng/E/VTLT-2026-pdKHLCNT-DA2996*



**GIÁM ĐỐC**

**Vũ Ngọc Long**